

TĂNG TỶ TRỌNG

Giá mục tiêu	28,591	VNĐ
Giá đóng cửa	24,700	VNĐ
06/12/2017		

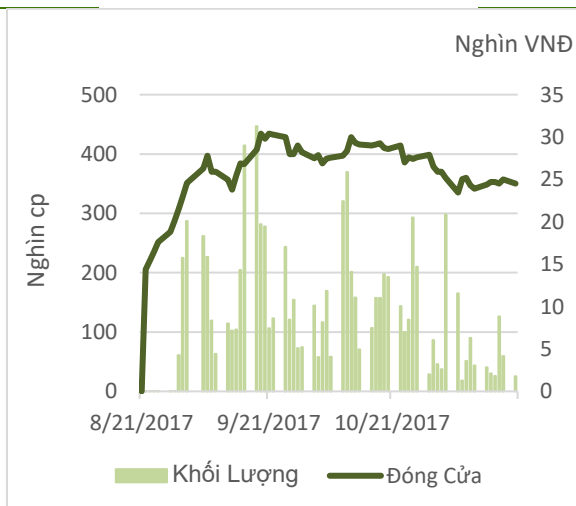
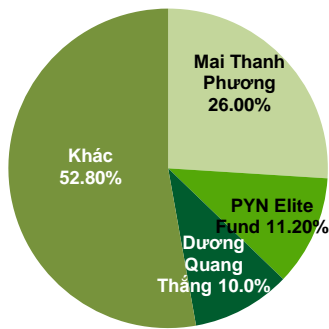
Hoàng Trung Thông
thonghoang@phs.vn
(+84-8) 5413-5472 – Ext: 8210

Thông tin cổ phiếu

Mã CP	PLP
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	150
CP đang lưu hành (triệu)	15
Vốn hóa (tỷ đồng)	367
Biên độ 12 tuần (đồng)	16,450~32,000
KLGD trung bình 2 tháng	144,053
Beta	N/A
Sở hữu nước ngoài	13.85%
Ngày niêm yết đầu tiên	21/08/2017

Cổ đông lớn

Mai Thanh Phương (Chủ tịch HĐQT)	26.0%
PYN Elite Fund	11.2%
Dương Quang Thắng (Phó CT HĐQT)	10.0%
Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	09.3%



Tiềm năng lớn từ chuỗi giá trị công nghiệp khép kín

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (PLP) được thành lập vào năm 2008, hoạt động chính trong lĩnh vực khai khoáng từ đá CaCO₃ và sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch (sản phẩm giá trị gia tăng từ nguồn đá CaCO₃ thô). Khởi đầu từ một nhà máy khai khoáng nhỏ, công ty đã phát triển thành một doanh nghiệp có tiếng với đầy đủ chức năng đặt văn phòng tại Hà Nội và có hai nhà máy chiến lược tại thành phố cảng Hải Phòng và Nghệ An.

Kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2017

Trong quý 3/2017, doanh thu ghi nhận mức tăng trưởng mạnh 55.1% so với cùng kỳ, đạt 76 tỷ đồng cùng với đó giá vốn chỉ ghi nhận mức tăng nhẹ 6.6% giúp lợi nhuận gộp tăng mạnh trưởng mạnh 6.7 lần và LNST tăng trưởng 14 lần đạt 13 tỷ so với cùng kỳ.

Sự tăng trưởng đột biến này đến từ việc công ty đã nhanh chóng nắm bắt được nhu cầu thị trường và làm chủ được công nghệ sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch từ nguyên liệu đá CaCO₃, năm 2014 Ban lãnh đạo Công ty đã quyết định đầu tư dây chuyền nghiền tuyển đá tại Nghệ An và nhà máy sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch tại Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Hải Phòng. Điều này giúp PLP đa dạng hóa sản phẩm, tạo chuỗi giá trị gia tăng cho sản phẩm của mình và cải thiện biên lợi nhuận của công ty.

Hướng đi hợp lý này đã giúp tăng tổng doanh thu gần gấp 4 lần từ 32 tỷ đồng năm 2015 lên 128 tỷ đồng năm 2016. Đặc biệt, trong quý 3/2017, khi chỉ mới hoàn chỉnh quá trình đầu tư với 06 dây chuyền sản xuất hạt CaCO₃ Filler Master Batch với công suất nhà máy 108,000 tấn/năm, nhưng đã mang tổng doanh thu hợp nhất 9 tháng đầu năm tăng trưởng gấp 9 lần so với cùng kỳ năm 2016 đạt 221 tỷ đồng giúp LN gộp tăng trưởng hơn 230% so với cùng kỳ và LNST đạt 38.5 tỷ trong khi cùng kỳ lỗ gần 3 tỷ. Với kết quả này PLP đã hoàn thành 96% kế hoạch LNST (40 tỷ) mà cổ đông đã giao phó năm 2017.

Động lực tăng trưởng

Triển vọng tích cực từ tăng trưởng ngành nhựa

Ngành nhựa là một trong những ngành tăng trưởng ổn định của thế giới, trung bình 9% trong vòng 50 năm qua. Mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế 2008 tác động lớn tới nhiều ngành công nghiệp, ngành nhựa vẫn tăng trưởng 3% trong năm 2009 và 2010. Tăng trưởng của ngành Nhựa Trung Quốc và Ấn Độ đạt hơn 10% và các nước Đông Nam Á với gần 20% năm 2014. Sự phát triển liên tục và bền vững của ngành Nhựa là do nhu cầu thế giới đang trong giai đoạn tăng cao. Sản lượng nhựa tiêu thụ trên thế giới ước tính đạt 500 triệu tấn năm 2012 với tăng trưởng trung bình 5%/năm.

Đối với riêng ngành sản xuất hạt nhựa. Năm 2013, nhu cầu tiêu thụ hạt nhựa trên thế giới đạt 300 triệu tấn tăng 3.8% so với năm 2012. Nguồn cung hạt nhựa PET đã tăng 25% từ năm 2006 nhưng vẫn không đủ cho nhu cầu của phân nhóm này, trong đó Trung Quốc và Trung Đông đang dần soán ngôi Mỹ và Tây Âu trong vị trí dẫn đầu về cung và cầu hạt nhựa

PLP là doanh nghiệp sản xuất, cung cấp sản phẩm chính là hạt nhựa phụ gia được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào trong ngành công nghiệp nhựa.

Hiện nay, thị trường hạt nhựa phụ gia được đánh giá là còn rất nhiều tiềm năng và dư địa phát triển. Doanh thu hạt nhựa phụ gia của thế giới năm 2017 ước đạt 10.5 tỷ USD và dự kiến tăng lên 13.41 tỷ USD vào năm 2022, đạt tốc độ tăng trưởng trung bình là 5.1%/năm.

Trong đó, Trung Quốc, Châu Âu, Bắc Mỹ hiện là những thị trường tiêu thụ mạnh nhất về hạt nhựa và Châu Á Thái Bình Dương là thị trường tăng trưởng nhanh nhất.

Với riêng sản phẩm hạt nhựa phụ gia, theo khảo sát năm 2017, Nhựa Châu Âu là doanh nghiệp nắm giữ thị phần lớn nhất với 30%, theo sau là HII với 12%, PLP và Nhựa Đông Á đều nắm giữ 8% thị phần tăng trưởng nhanh nhất.

Hiện nay, thị trường hạt nhựa phụ gia được đánh giá là còn rất nhiều tiềm năng và dư địa phát triển. Riêng tại Việt Nam, nguyên liệu cho ngành nhựa ở mức hơn 5 triệu tấn/năm. Tuy nhiên doanh nghiệp trong nước chỉ đáp ứng được 20%, còn lại phải nhập khẩu. Với dư địa 80% còn lại là mảnh đất màu mỡ cho những doanh nghiệp sản xuất cung ứng nguyên liệu nhựa, hạt nhựa phụ gia.

Chuỗi giá trị công nghiệp khép kín chủ động từ khâu nguyên liệu đá thô.

Chủ động được vùng nguyên liệu thô và ổn định giá đầu vào luôn là một vấn đề sống còn với các doanh nghiệp sản xuất. Do đó, những doanh nghiệp có khả năng phát triển tích hợp được chuỗi giá trị khép kín bền vững sẽ có được triển vọng tăng trưởng vững chắc. Hiện nay, PLP là một trong số ít các doanh nghiệp tiên phong thực hiện được chuỗi công nghiệp khép kín:

- **Mỏ nguyên liệu thô:** Công ty hiện đang sở hữu quyền khai thác mỏ đá CaCO₃ tại núi Thung Hung, Quý Hợp có diện tích trên 10 ha được đánh giá là một trong những nguồn đá CaCO₃ có chất lượng tốt nhất trên thế giới xét về độ sáng và độ trắng với trữ lượng dồi dào lên tới 5,000,000 m³. Tổng trữ lượng khai thác bao gồm:
 - 1,407,649 m³ đá hoa làm vật liệu xây dựng thông thường,
 - 120,462 m³ đá hoa trắng làm ốp lát các loại.
 - 168,536 m³ đá hoa trắng làm bột CaCO₃.
 - Tổng công suất khai thác là 120,000 m³/nămHiện tại Nhựa Pha Lê đang thực hiện thăm dò tại 5 mỏ khoáng sản, bao gồm 2 mỏ đá Granite tại Ninh Thuận, 3 mỏ đá cẩm thạch trắng tại Nghệ An.
- **Nhà máy sản xuất:** với hai nhà máy chiến lược được đầu tư
 - Nhà máy sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch thuộc Khu công nghiệp MP Đình Vũ tại thành phố cảng Hải Phòng
 - Dây chuyền nghiền tuyển đá Nghệ An.
- **Chuỗi sản phẩm giá trị gia tăng cao và đa dạng.** Từ nguồn nguyên liệu đá CaCO₃ phong phú được khai thác từ mỏ đá tại Quý Hợp, Nghệ An. Pha lê đã phân loại, kiểm soát và xử lý thành sản phẩm đá cục CaCO₃. Các sản phẩm đá cục đủ tiêu chuẩn sau đó sẽ được nghiền thành bột đá đảm bảo độ trắng sáng theo nhu cầu của khách hàng nhờ sử dụng các máy nghiền và công nghệ tiên tiến. Bột đá được phân loại thành các nhóm với nhiều mục đích sử dụng khác nhau. Từ đây, sản phẩm bột đá siêu mịn với tỷ lệ từ 70% đến 85% có trắng phủ axit béo trên nền nhựa Polyolefin sẽ được sử dụng để sản xuất ra hạt nhựa phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch. Các sản phẩm chính của PLP bao gồm:

- Sản phẩm đá CaCO₃
- Sản phẩm bột đá
- Bột đá cho thức ăn chăn nuôi
- Hạt nhựa phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch (chiếm hơn 83% tổng doanh thu 6T/2017)
- **Khâu tiêu thụ sản phẩm:** Các sản phẩm dịch vụ đang được cung ứng của Công ty hiện nay phục vụ cho cả thị trường nội địa và quốc tế. Việc vận chuyển hàng được áp dụng cả phương thức vận chuyển đường bộ và đường biển. Với 2 cảng biển lớn tại Thanh Hóa và Hải Phòng, gần với nơi khai thác và sản xuất là lợi thế lớn trong khâu vận chuyển của PLP. Ngoài ra, sản phẩm đá CaCO₃ được cung ứng cho khách hàng trong nước như: Nhựa Hà Nội, Cty Thịnh Phát và CTCP Hóa chất Tp. Hồ Chí Minh. Một phần sản phẩm đá CaCO₃ và hầu hết sản phẩm hạt nhựa chủ yếu được xuất khẩu ra thị trường quốc tế.

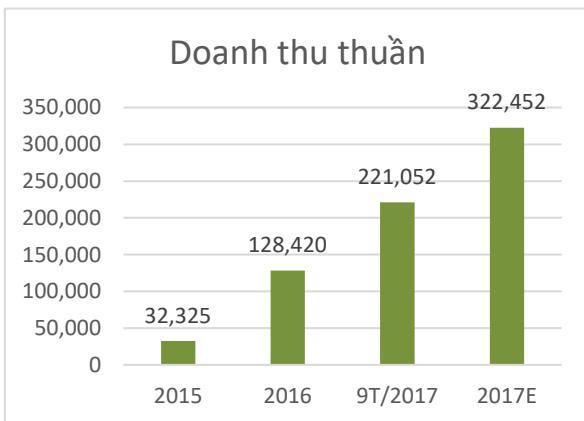
Việc sở hữu mỏ đá giúp quá trình sản xuất của Nhựa Pha Lê được khép kín từ khâu nguyên vật liệu đến sản phẩm đầu ra, đảm bảo sự ổn định cả về chất lượng và giá cả. Được xem là lợi thế cạnh tranh tuyệt đối của Nhựa Pha Lê trên thị trường.

Dòng sản phẩm hạt nhựa phụ gia Filler Masterbatch đem lại giá trị gia tăng cao. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong những năm qua được chuyển dịch từ khai thác và bán nguyên liệu thô là đá CaCO₃ sang sản xuất sản phẩm cuối cùng là hạt nhựa phụ gia Filler Masterbatch. Đây hợp chất phụ gốc calcium carbonate (CaCO₃) được sử dụng trong ngành công nghiệp nhựa để thay đổi thuộc tính khác nhau của nhựa nền hoặc nhựa polyme. Thành phẩm được sử dụng làm chất độn cho sản xuất bao bì PP, PE, ép đùn, ép phun, cán màng,... cho các sản phẩm nhựa công nghiệp và gia dụng.

Cơ cấu doanh thu đã có sự chuyển dịch từ các sản phẩm đá vôi và bột đá sang hạt nhựa phụ gia Filler Masterbatch có giá bán cao gấp 6 lần giá sản phẩm bột đá và gấp 10 lần sản phẩm đá CaCO₃ truyền thống, nhờ đó mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận lớn cho Công ty. Cụ thể, năm 2016 đây chuyên sản xuất Filler Masterbatch mới chỉ chính thức hoạt động thương mại từ Quý 4 nhưng đã mang lại hơn 44 tỷ doanh thu, chiếm 34.51% tổng doanh thu cả năm của Công ty. Bước sang nửa đầu năm 2017, hoạt động của Nhựa Pha Lê được chuyển dịch sang chủ yếu sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch, với doanh thu đạt 120.5 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 83.26% tổng doanh thu, đứng đầu trong các sản phẩm của Công ty. Như vậy, hạt nhựa phụ gia Filler Masterbatch được xem là sản phẩm chủ lực của Nhựa Pha Lê trong tương lai.

Rủi ro

Biến động giá nguyên liệu nhựa nguyên sinh, bên cạnh thành phần chính là bột đá CaCO₃, quá trình sản xuất Filler Masterbatch còn cần đến nguyên liệu là hạt nhựa nguyên sinh. Vốn là sản phẩm được sản xuất từ dầu mỏ nên giá nhựa nguyên sinh biến động theo giá dầu thế giới. Với những biến động gần đây của giá dầu và việc cắt giảm sản lượng của các quốc gia thuộc Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa OPEC. Theo dự báo từ các chuyên gia khả năng giá dầu sẽ duy trì ở mức trên \$56/thùng. Điều này sẽ tác động lên biên lợi nhuận gộp của PLP.



Khuyến nghị Tăng tỷ trọng

Với kết quả đạt được trong 9 tháng đầu năm 2017, chúng tôi ước tính công ty có thể đạt khoảng 64 tỷ lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ cho cả năm 2017 nhờ dự trữ nguyên liệu đầu vào ở vùng giá thấp. Tuy nhiên, với quan điểm thận trọng, chúng tôi giả định công ty vẫn giữ nguyên giá bán và giá vốn nguyên liệu nhựa nguyên sinh tăng lên do biến động bất lợi của giá dầu thì lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ dự phóng cho cả năm 2018 suy giảm nhẹ, đạt khoảng 59.6 tỷ, tương ứng với EPS forward 3,971 đồng/cổ phiếu.

Với triển vọng tăng trưởng ngành kết hợp chuỗi giá trị công nghiệp khép kín của PLP và dòng sản phẩm hạt nhựa Filler Masterbatch đem lại giá trị gia tăng cao, chúng tôi khuyến nghị TĂNG TỶ TRỌNG đối với cổ phiếu PLP cho mục tiêu trung và dài hạn. Với P/E mục tiêu một năm 7.2x, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý của PLP là 28,591 đồng/cổ phiếu.

Sơ lược công ty

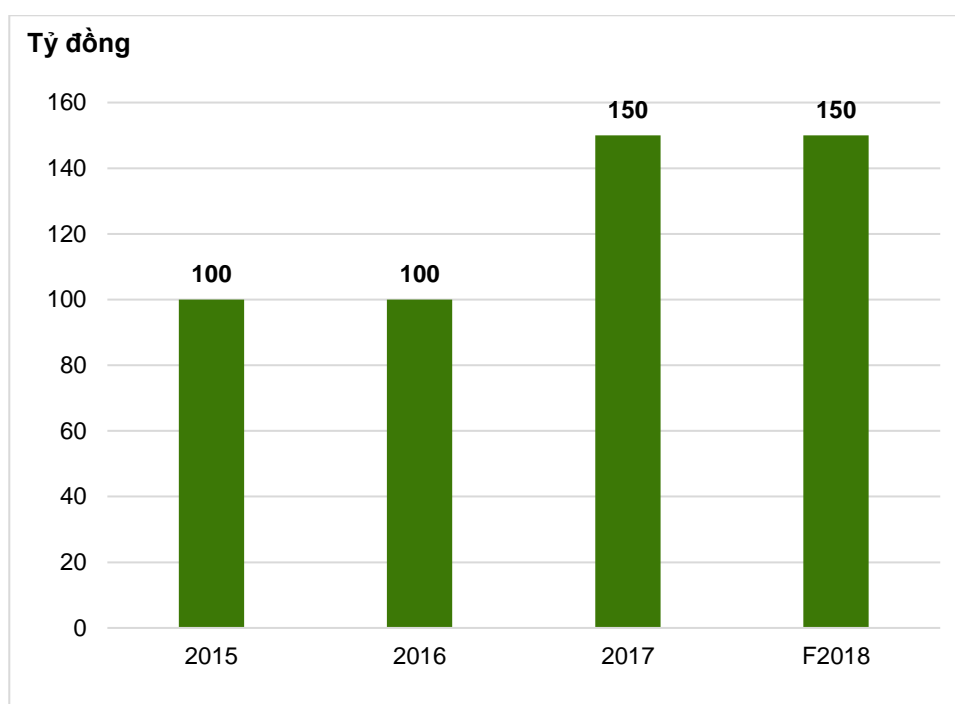
Công ty CP Sản xuất & Công nghệ Nhựa Pha Lê (tiền thân là Công ty CP Khoáng Sản Pha Lê) được thành lập vào năm 2008.

Khởi đầu từ một nhà máy khai khoáng nhỏ, công ty đã phát triển thành một doanh nghiệp có tiếng với đầy đủ chức năng đặt trụ sở tại Hà Nội và có hai chi nhánh chiến lược tại thành phố cảng Hải Phòng và Nghệ An.

Hiện tại Pha Lê đang sở hữu 5 mỏ khoáng sản – 2 mỏ đá Granite tại Ninh Thuận, 3 mỏ đá cẩm thạch trắng tại Nghệ An và đặc biệt là mỏ đá CaCO₃ tại núi Thung Hung, Quỳnh Hợp có diện tích trên 10 ha.



Quá trình tăng vốn (tỷ VND)



Nguồn: PHS tổng hợp

Chỉ số tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh - Đơn Vị: Triệu Đồng	2015	2016	2017E	2018F
Doanh thu thuần	32.3	128.4	322.5	448.8
Giá vốn hàng bán	24.3	107.6	219.3	309.6
Lợi nhuận gộp	8.0	20.8	103.2	139.2
Chi phí bán hàng	2.3	4.0	16.3	22.7
Chi phí QLDN	6.2	4.5	6.1	8.5
Lợi nhuận từ HĐKD	-0.4	12.3	80.7	102.0
Lợi nhuận tài chính	2.0	-4.2	-12.6	-17.5
Chi phí lãi vay	0.2	5.5	14.7	21.3
Lợi nhuận trước thuế	1.6	8.0	68.2	63.1
Lợi nhuận sau thuế	1.3	7.6	64.4	59.6
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	1.3	7.6	64.4	59.6
Cân đối kế toán	2015	2016	2017E	2018F
Tài Sản Ngắn Hạn	99.3	95.0	267.7	385.6
Tiền và tương đương tiền	8.9	0.4	58.9	106.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.0	0.0	0.0	0.0
Phải thu ngắn hạn	72.2	48.9	117.8	164.0
Hàng tồn kho	9.9	40.1	81.6	115.3
Tài sản ngắn hạn khác	8.3	5.7	9.4	0.0
Tài Sản Dài Hạn	110.6	162.6	184.3	214.2
Phải thu dài hạn	0.0	0.0	0.0	0.0
Tài sản cố định	49.6	119.7	138.0	166.4
Bất động sản đầu tư	0.0	0.0	0.0	0.0
Chi phí xây dựng dở dang	12.0	6.8	7.8	8.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0.0	0.0	0.0	0.0
Tài sản dài hạn khác	49.0	36.1	38.5	39.4
Lợi thế thương mại	0.0	0.0	0.0	0.0
Tổng cộng tài sản	209.9	257.6	452.0	599.8
Nợ phải trả	108.6	148.7	228.7	303.9
Nợ ngắn hạn	43.5	88.8	173.7	245.2
Nợ dài hạn	65.0	59.9	55.0	58.7
Vốn chủ sở hữu	101.3	108.9	223.3	295.9
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.0	0.0	0.0	0.0
Tổng nguồn vốn	209.9	257.6	452.0	599.8

Lưu chuyển tiền tệ	2015	2016	2017E	2018F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	9.9	18.7	45.8	60.6
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	-75.9	-66.2	-67.2	-44.9
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	74.2	38.9	80.0	31.8
Tiền trong kỳ	8.2	-8.5	58.5	47.5
Tiền mặt đầu năm	0.7	8.9	0.4	58.9
Tiền mặt cuối năm	8.9	0.4	58.9	106.4
Định giá	2015	2016	2017E	2018F
EPS (VNĐ)	131	759	4,291	3,971
BVPS (VNĐ)	10,133	9,423	10,000	19,725
P/E			5.8	7.2
P/B			1.6	1.2
Chỉ số tài chính	2015	2016	2017E	2018F
Cơ cấu vốn				
TS ngắn hạn/Tổng TS	47%	37%	59%	64%
TS dài hạn/Tổng TS	53%	63%	41%	36%
Tổng Nợ/VCSH	107%	137%	102%	103%
Tổng Nợ/Tổng TS	52%	58%	51%	51%
Chỉ số chi trả lãi vay	10.5	1.5	4.6	3.0
Chỉ số thanh khoản				
Thanh khoản hiện thời	2.3	1.1	1.5	1.6
Thanh khoản nhanh	1.9	0.6	1.0	1.1
Hiệu quả hoạt động				
Số ngày tồn kho	146.0	134.0	134.0	134.0
Số ngày thu tiền	804.0	137.1	131.5	131.5
Số ngày phải trả		41.5	22.3	26.6
Vòng quay TS ngắn hạn	0.7	1.3	1.8	1.4
Vòng quay TS cố định	1.3	1.5	2.5	2.9
Vòng quay tổng TS	0.3	0.5	2.5	1.5
Tỷ suất lợi nhuận				
Tỷ suất LN gộp	25%	16%	32%	31%
Tỷ suất LN HĐKD	-1%	10%	25%	23%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	4%	6%	20%	13%
ROE	1%	7%	29%	20%
ROA	1%	3%	14%	10%

Nguồn: PLP và PHS dự phóng

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UNIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801